

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP XANH GẮN VỚI ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

● DƯƠNG THỊ TUYẾT NHUNG

Trường Đại học Mở - Địa chất

DOI: 10.62831/nckh.2026.140.v1

TÓM TẮT:

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và yêu cầu phát triển bền vững, nông nghiệp xanh gắn với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành xu hướng tất yếu. Tại Việt Nam, dù giữ vai trò quan trọng, ngành nông nghiệp vẫn đối mặt với nhiều thách thức về hiệu quả, môi trường và năng lực cạnh tranh. Những năm gần đây, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách thúc đẩy nông nghiệp xanh, chuyển đổi số và đã đạt được một số kết quả bước đầu. Bài viết trình bày khái niệm nông nghiệp xanh; phân tích thực trạng chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh gắn với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thời gian qua, từ đó đề xuất các giải pháp đồng bộ nhằm xây dựng một nền nông nghiệp Việt Nam "sinh thái, hiện đại, bền vững".

Từ khóa: chính sách phát triển nông nghiệp xanh, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển bền vững, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Trong những thập kỷ qua, nông nghiệp Việt Nam tuy đã đạt nhiều thành tựu nhưng mô hình tăng trưởng thâm canh đã bộc lộ hạn chế về môi trường và sức cạnh tranh. Trước bối cảnh đó, nông nghiệp xanh trở thành xu hướng tất yếu, trong đó đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực then chốt giúp nâng cao hiệu quả, giảm phát thải và tái cấu trúc chuỗi giá trị. Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn gặp nhiều rào cản về thể chế, hạ tầng và nguồn lực. Vì vậy, việc nghiên cứu, đánh giá chính sách và đề xuất giải pháp là cần thiết nhằm thúc đẩy nông nghiệp phát triển theo hướng xanh, hiện đại và bền vững.

2. Thực trạng chính sách phát triển nông nghiệp xanh gắn với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở Việt Nam

2.1. Khung chính sách và kết quả triển khai

Khung chính sách phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam được xây dựng trên nền tảng các chiến lược về tăng trưởng xanh, chuyển đổi số và tái cơ cấu ngành. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 xác định nông nghiệp là lĩnh vực trọng tâm cần chuyển đổi theo hướng sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm phát thải (Thủ tướng Chính phủ, 2021). Nghị quyết số 19-NQ/TW (2022) tiếp tục khẳng định vai trò chiến lược của nông nghiệp, định

hướng phát triển theo mô hình xanh, hữu cơ và tuần hoàn. Trên cơ sở đó, hệ thống chính sách được ban hành nhằm cụ thể hóa mục tiêu và thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong nông nghiệp.

Thứ nhất, về cơ chế tài chính và khuyến khích đầu tư, khung chính sách hướng tới mục tiêu tạo lập các động lực tài chính nhằm thu hút cả khu vực công và khu vực tư nhân tham gia đầu tư vào nông nghiệp xanh, nông nghiệp công nghệ cao và chuyển đổi số trong nông nghiệp. Các chính sách hiện hành đã bước đầu đề cập đến các công cụ như tín dụng ưu đãi cho dự án nông nghiệp xanh, cơ chế bảo hiểm rủi ro khí hậu cho nông dân, phát triển trái phiếu xanh, quỹ đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực agtech, cũng như ưu đãi thuế đối với đầu tư công nghệ cao và cơ sở chế biến thân thiện với môi trường.

Thứ hai, về cơ cấu tổ chức và thể chế phối hợp liên ngành, khung chính sách đặt mục tiêu nâng cao hiệu quả quản trị thông qua cơ chế điều phối liên bộ, liên ngành và giữa trung ương với địa phương. Các văn bản chính sách đã bước đầu xác định vai trò, trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan trong phát triển nông nghiệp xanh gắn với chuyển đổi số.

Thứ ba, về chính sách khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, khung chính sách hướng tới thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ, đồng thời hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp. Nhà nước đã ban hành nhiều chương trình hỗ trợ nghiên cứu - phát triển, vườn ươm công nghệ, quỹ đổi mới sáng tạo, cũng như các chính sách khuyến khích liên kết giữa viện nghiên cứu, doanh nghiệp và nông dân. Các định hướng phát triển giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu, công nghệ xử lý đất và nước thải, ứng dụng IoT trong canh tác đã được nhấn mạnh trong các chiến lược khoa học - công nghệ quốc gia.

Thứ tư, về hạ tầng số và nền tảng dữ liệu nông nghiệp, khung chính sách đặt mục tiêu xây dựng hệ sinh thái dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện ngành nông nghiệp, bao gồm bản đồ đất đai số, hệ thống quản lý thông tin sản xuất, dữ liệu khí tượng nông nghiệp và hệ thống truy xuất nguồn gốc. Việc triển khai chương trình chuyển đổi số quốc gia và các

kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp đã xác định rõ nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu và ứng dụng công nghệ số trong sản xuất.

Thứ năm, về chuẩn mực, tiêu chuẩn xanh và cơ chế truy xuất nguồn gốc, khung chính sách nhằm thiết lập các tiêu chí và chứng nhận cho sản phẩm nông nghiệp xanh, giúp thị trường và người tiêu dùng dễ dàng nhận diện. Các chương trình xây dựng tiêu chuẩn sinh thái, truy xuất nguồn gốc điện tử và liên kết với tiêu chuẩn quốc tế đã được triển khai thí điểm ở nhiều địa phương.

Thứ sáu, về nguồn nhân lực, đào tạo và chuyển giao công nghệ, khung chính sách tập trung nâng cao năng lực cho nông dân, cán bộ quản lý và doanh nghiệp trong việc áp dụng kỹ thuật nông nghiệp xanh và kỹ năng số.

Thứ bảy, về cơ chế hợp tác công - tư và thúc đẩy doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị, khung chính sách hướng tới huy động nguồn lực xã hội cho đầu tư vào công nghệ, hạ tầng chế biến, logistics và nền tảng thị trường số trong nông nghiệp.

Thứ tám, về giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả, khung chính sách đặt mục tiêu thiết lập hệ thống chỉ số để đo lường hiệu quả kinh tế, môi trường và xã hội của các chương trình phát triển nông nghiệp xanh gắn với chuyển đổi số.

Việc triển khai chính sách phát triển nông nghiệp xanh gắn với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn 2021-2025 đã tạo ra những chuyển biến rõ nét trong cấu trúc ngành nông nghiệp Việt Nam. Về mặt chuyển đổi số, việc hình thành hệ sinh thái dữ liệu số bước đầu đã mang lại hiệu quả trong công tác quản trị và minh bạch hóa chuỗi cung ứng. Hệ thống quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói đã được số hóa hoàn toàn, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác truy xuất nguồn gốc và đáp ứng các rào cản kỹ thuật của thị trường quốc tế. Tính đến cuối năm 2024, việc ứng dụng công nghệ IoT, Drone và các phần mềm quản trị trang trại đã giúp các doanh nghiệp nông nghiệp tiết giảm chi phí đầu vào trung bình từ 15% đến 20%, đồng thời tối ưu hóa năng suất lao động trong các khâu canh tác khó khăn (Nguyễn Quang Tin, 2025).

Song song với tiến trình số hóa, các mô hình nông nghiệp xanh và đổi mới sáng tạo đã ghi nhận những chỉ số tích cực về cả kinh tế lẫn môi trường. Đáng chú ý nhất là Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc-ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp" (Thủ tướng Chính phủ, 2023), nơi các kỹ thuật canh tác đổi mới sáng tạo như "1 phải 5 giảm" và "tưới ngập khô xen kẽ" đã giúp giảm lượng giống gieo sạ và phân bón hóa học đáng kể. Kết quả thực nghiệm cho thấy, các mô hình này không chỉ giúp giảm lượng khí nhà kính phát thải mà còn gia tăng lợi nhuận cho người nông dân thông qua việc giảm chi phí sản xuất và nâng cao phẩm cấp nông sản.

Về mặt đòn bẩy tài chính, sự lan tỏa của chính sách tín dụng xanh đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Agritech tiếp cận nguồn vốn để đầu tư vào hạ tầng công nghệ. Dư nợ cho vay đối với các dự án nông nghiệp sạch và ứng dụng công nghệ cao đã tăng trưởng ổn định, đóng góp vào việc hình thành các vùng nguyên liệu quy mô lớn, liên kết theo chuỗi giá trị bền vững. Tuy nhiên, kết quả triển khai cũng cho thấy sự phân hóa giữa các vùng miền, trong đó khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên đang dẫn đầu về tốc độ hấp thụ chính sách nhờ lợi thế về quy mô sản xuất hàng hóa tập trung.

2.2. Hạn chế còn tồn tại

Thứ nhất, khung chính sách còn phân tán, thiếu tính tích hợp và liên kết liên ngành. Mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều chiến lược và chương trình liên quan đến tăng trưởng xanh, chuyển đổi số và phát triển nông nghiệp, song các chính sách này vẫn tồn tại dưới dạng các văn bản riêng lẻ, được xây dựng và triển khai bởi nhiều bộ, ngành khác nhau. Chưa hình thành một khung chính sách tích hợp thống nhất cho phát triển nông nghiệp xanh gắn với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Nguyễn Thị Miên, 2022). Điều này dẫn đến tình trạng chồng chéo về mục tiêu, thiếu liên thông trong triển khai và khó khăn trong điều phối nguồn lực.

Thứ hai, mục tiêu và chỉ tiêu chính sách chưa được lượng hóa cụ thể. Nhiều văn bản chính sách mới dừng lại ở việc nêu định hướng và mục tiêu tổng quát (như phát triển nông nghiệp xanh, đẩy mạnh chuyển

đổi số, giảm phát thải), nhưng thiếu các chỉ tiêu định lượng cụ thể để đo lường kết quả thực hiện. Chưa có hệ thống chỉ số thống nhất phản ánh mức độ "xanh hóa" và "số hóa" trong nông nghiệp, khiến việc đánh giá hiệu quả chính sách còn mang tính định tính.

Thứ ba, cơ chế tài chính và khuyến khích đầu tư cho nông nghiệp xanh còn yếu. Khung chính sách hiện nay chưa tạo ra các cơ chế tài chính đủ mạnh để thúc đẩy doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân đầu tư vào đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ nông nghiệp xanh. Các công cụ tài chính xanh như tín dụng ưu đãi, bảo hiểm rủi ro khí hậu, quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo nông nghiệp hay trái phiếu xanh trong nông nghiệp còn rất hạn chế cả về quy mô lẫn khả năng tiếp cận.

Thứ tư, hạ tầng số và hệ thống dữ liệu nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu. Hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số nông nghiệp, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi và vùng sâu, vùng xa, còn nhiều hạn chế. Hệ thống cơ sở dữ liệu nông nghiệp quốc gia chưa hoàn thiện, dữ liệu phân tán ở nhiều cơ quan, thiếu tiêu chuẩn hóa và khả năng kết nối, chia sẻ. Điều này làm giảm hiệu quả của các chính sách chuyển đổi số và cản trở việc ứng dụng công nghệ số trong phát triển nông nghiệp xanh (Nguyễn Nguyên Cự, 2024).

Thứ năm, năng lực thực thi chính sách và nguồn nhân lực còn hạn chế. Khả năng triển khai chính sách nông nghiệp xanh gắn với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở nhiều địa phương còn yếu. Đội ngũ cán bộ quản lý, hợp tác xã và người nông dân thiếu kỹ năng số, kỹ năng quản lý và khả năng tiếp cận, ứng dụng công nghệ mới. Điều này khiến nhiều chính sách chỉ dừng lại ở mức thí điểm, khó nhân rộng trên diện rộng.

Thứ sáu, thiếu cơ chế giám sát, đánh giá và phản hồi chính sách hiệu quả. Khung chính sách hiện nay chưa thiết lập được hệ thống giám sát, đánh giá và phản hồi chính sách hiệu quả đối với phát triển nông nghiệp xanh gắn với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Việc theo dõi tiến độ và đánh giá tác động môi trường, kinh tế - xã hội của các chính sách còn mang tính hình thức, thiếu tính so sánh và khả năng điều chỉnh kịp thời.

3. Giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển nông nghiệp xanh gắn với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Thứ nhất, hoàn thiện khung chính sách theo hướng tích hợp và tăng cường phối hợp liên ngành. Để khắc phục tình trạng chính sách phân tán, thiếu liên kết, Chính phủ cần chuyển dịch từ cách tiếp cận quản lý theo ngành dọc sang mô hình quản trị theo hệ sinh thái, trong đó nông nghiệp xanh, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được lồng ghép trong một lộ trình chiến lược thống nhất. Giải pháp trọng tâm là thiết lập một cơ chế điều phối đa lĩnh vực có thẩm quyền cao, đóng vai trò là đầu mối kết nối nguồn lực giữa Bộ Nông nghiệp và Môi trường với Bộ Khoa học và Công nghệ. Đồng thời, cần thiết lập cơ chế điều phối liên ngành có đủ thẩm quyền, nguồn lực và trách nhiệm rõ ràng, đóng vai trò đầu mối tích hợp chính sách, giám sát thực hiện và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai ở cả cấp trung ương và địa phương.

Thứ hai, lượng hóa mục tiêu và xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá nông nghiệp xanh và chuyển đổi số. Trước yêu cầu đánh giá hiệu quả chính sách một cách khách quan và dựa trên bằng chứng, cần cụ thể hóa các mục tiêu phát triển nông nghiệp xanh và chuyển đổi số bằng hệ thống chỉ tiêu định lượng rõ ràng, có thể đo lường và so sánh theo thời gian.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường cần sớm ban hành bộ tiêu chí quốc gia về nông nghiệp xanh với các ngưỡng định mức cụ thể về phát thải khí nhà kính, tỷ lệ tuần hoàn phế phẩm và mức độ thâm nhập của công nghệ số trong sản xuất. Hệ thống này phải dựa trên nền tảng kỹ thuật về đo đạc, báo cáo và thẩm định theo tiêu chuẩn quốc tế. Việc xây dựng một hệ thống chỉ số thống nhất không chỉ giúp các cơ quan quản lý giám sát tiến độ thực hiện mà còn tạo cơ sở dữ liệu tin cậy để các doanh nghiệp khẳng định uy tín thương hiệu xanh và tham gia vào thị trường tín chỉ carbon toàn cầu.

Thứ ba, tăng cường cơ chế tài chính và khuyến khích đầu tư cho nông nghiệp xanh và nông nghiệp số. Để khắc phục sự thiếu hụt về nguồn lực tài chính, cần hoàn thiện các cơ chế tài chính theo hướng tạo động

lực mạnh mẽ hơn cho doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân đầu tư vào đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trọng tâm là xây dựng bộ tiêu chí rõ ràng để xác định dự án nông nghiệp xanh, làm căn cứ triển khai các công cụ tài chính xanh như tín dụng ưu đãi, bảo hiểm rủi ro khí hậu, quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo và trái phiếu xanh trong nông nghiệp. Bên cạnh đó, cần có cơ chế chia sẻ rủi ro giữa Nhà nước và khu vực tư nhân nhằm giảm bớt e ngại của nhà đầu tư trước đặc thù rủi ro cao và quy mô sản xuất nhỏ lẻ của nông nghiệp.

Thứ tư, đẩy mạnh đầu tư hạ tầng số và hoàn thiện hệ thống dữ liệu nông nghiệp quốc gia. Xây dựng hạ tầng số đồng bộ tại khu vực nông thôn là nền tảng cốt yếu để thu hẹp khoảng cách về công nghệ. Bộ Khoa học và Công nghệ cần ưu tiên ngân sách đầu tư vào mạng lưới viễn thông thế hệ mới và hạ tầng dữ liệu dùng chung để khắc phục tình trạng phân tán thông tin. Khung pháp lý về quản trị dữ liệu nông nghiệp phải quy định rõ quyền sở hữu và trách nhiệm chia sẻ dữ liệu giữa các bên. Việc thiết lập các tiêu chuẩn kỹ thuật về kết nối API sẽ cho phép các cơ sở dữ liệu từ cấp địa phương đến Trung ương liên thông chặt chẽ, từ đó cung cấp những dự báo chính xác về thị trường và dịch bệnh, giúp nông nghiệp xanh vận hành trên nền tảng tri thức số xác thực.

Thứ năm, nâng cao năng lực thực thi chính sách và phát triển nguồn nhân lực.

Để khắc phục hạn chế về năng lực triển khai ở cơ sở, cần chú trọng phát triển nguồn nhân lực cho nông nghiệp xanh và chuyển đổi số thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng có hệ thống và dài hạn. Nội dung đào tạo cần tập trung vào kỹ năng số, kỹ năng quản lý, khả năng tiếp cận và ứng dụng công nghệ mới cho đội ngũ cán bộ quản lý, hợp tác xã và người nông dân (Nguyễn Quang Tin, 2025). Chính sách hỗ trợ kỹ thuật cần được thực hiện thông qua mạng lưới khuyến nông dưới sự điều phối của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, kết hợp giữa tri thức bản địa và công nghệ hiện đại. Đồng thời, cần có các cơ chế đãi ngộ đặc thù nhằm thu hút đội ngũ chuyên gia công nghệ từ Bộ Khoa học và Công nghệ về làm việc tại khu vực nông thôn, tạo ra lực lượng lao động nông cốt có khả năng làm chủ các công nghệ đổi mới sáng tạo.

Thứ sáu, hoàn thiện cơ chế giám sát, đánh giá và phản hồi chính sách. Đề nâng cao hiệu quả và tính thích ứng của chính sách, cần thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá và phản hồi chính sách dựa trên bộ chỉ số thống nhất và dữ liệu đáng tin cậy. Cơ chế này cần được lồng ghép ngay từ khâu xây dựng chính sách, bảo đảm việc theo dõi tiến độ, đánh giá tác động kinh tế - xã hội - môi trường và điều chỉnh chính sách kịp thời. Đồng thời, cần quy định rõ trách nhiệm phối hợp trong thu thập, báo cáo và công bố dữ liệu giữa các cơ quan liên quan, qua đó nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thực thi chính sách. Cơ chế này đảm bảo tính tương tác hai chiều, giúp các chính sách về nông nghiệp xanh và đổi mới sáng tạo luôn được cập nhật, thích ứng kịp thời với những thay đổi nhanh chóng của công nghệ và biến động thị trường toàn cầu.

4. Kết luận

Phát triển nông nghiệp xanh gắn liền với đổi mới

sáng tạo và chuyển đổi số không còn là một lựa chọn mang tính xu thế, mà đã trở thành yêu cầu sống còn và là mục tiêu chiến lược của ngành nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mới. Qua phân tích, có thể thấy mặc dù hệ thống chủ trương của Đảng và Nhà nước đã tạo ra những tiền đề quan trọng, thực tiễn triển khai vẫn còn đối mặt với nhiều "điểm nghẽn" về tính tích hợp chính sách, hạ tầng dữ liệu và nguồn lực thực thi. Cùng với việc hợp nhất và kiện toàn bộ máy quản lý, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cùng Bộ Khoa học và Công nghệ được kỳ vọng sẽ tạo ra bước đột phá trong việc tháo gỡ các rào cản liên ngành để thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh gắn liền với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thành công của chiến lược này phụ thuộc vào việc chuyển dịch từ tư duy sản xuất truyền thống sang kinh tế nông nghiệp dựa trên tri thức số, trong đó Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, doanh nghiệp là hạt nhân đổi mới và nông dân là chủ thể của quá trình chuyển đổi bền vững ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tài liệu tiếng Việt:

Lê Nguyễn Diệu Anh (2024). Chính sách phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam. Truy cập tại <https://lyluanchinhtri.vn/chinh-sach-phat-trien-nong-nghiep-xanh-o-viet-nam-6577.html>

Nguyễn Nguyên Cự (2024). Tăng trưởng nông nghiệp xanh ở Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị. Tạp chí Kinh tế và xã hội, số 13 tháng 9, tr.5-13

Nguyễn Quang Tin (2025). Xây dựng hệ sinh thái nông nghiệp thông minh trong bối cảnh của Việt Nam. Truy cập tại <https://nongnghiepmoitruong.vn/xay-dung-he-sinh-thai-nong-nghiep-thong-minh-trong-boi-can-h-cua-viet-nam-d790826.html>

Nguyễn Thế Kiên, Trần Quý (2023). Chuyển đổi số để phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng đa chức năng, kinh tế tuần hoàn. Truy cập tại https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te-/2018/827492/view_content

Nguyễn Thị Miên (2022). Chuyển đổi số trong nông nghiệp nhằm phát triển bền vững ngành nông nghiệp Việt Nam. Truy cập tại <https://lyluanchinhtrivatruyen-thong.vn/chuyen-doi-so-trong-nong-nghiep-nham-phat-trien-ben-vung-nganh-nong-nghiep-viet-nam-p25931.html>

Nguyễn Trung Hiếu (2024). Chuyển đổi số nông nghiệp xanh Việt Nam trong xu hướng toàn cầu hóa. Truy cập tại <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/06/25/chuyen-doi-so-nong-nghiep-xanh-viet-nam-trong-xu-huong-toan-cau-hoa/>

Thủ tướng Chính phủ (2021). Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thủ tướng Chính phủ (2023). Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030.

Tài liệu tiếng nước ngoài:

FAO (2018). Sustainable food and agriculture: An integrated approach, Food and Agriculture Organization of the United Nations. Truy cập tại <https://www.fao.org/3/i9037en/i9037en.pdf>

OECD (2025). Sustainable agricultural productivity to address food systems challenges measurement, data, drivers and policies proceedings from the OECD Conference 28 October 2024, Paris. Available at <https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/networks/network-on-agricultural-total-factor-productivity-and-the-environment/sustainable-agricultural-productivity-to-address-food-systems-challenges.pdf>

United Nations Environment Programme (UNEP) (2018). Towards a Green Economy: Pathways to Sustainable Development and Poverty Eradication. Available at <https://www.unep.org/resources/report/towards-green-economy-pathways-sustainable-development-and-poverty-eradication-10>

Ngày nhận bài: 5/3/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 22/3/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 9/4/2026

GREEN AGRICULTURAL DEVELOPMENT POLICY IN ASSOCIATION WITH INNOVATION AND DIGITAL TRANSFORMATION: CURRENT STATUS AND SOLUTIONS

● DUONG THI TUYET NHUNG

Hanoi University of Mining and Geology

ABSTRACT:

In the context of climate change and the growing demand for sustainable development, green agriculture linked with innovation and digital transformation has become an inevitable development trend. In Vietnam, although agriculture plays a vital role in the national economy, the sector continues to face challenges related to productivity, environmental impacts, and competitiveness. In recent years, the Government has introduced various policies to promote green agriculture and digital transformation, generating initial positive outcomes. This study clarifies the concept of green agriculture, analyzes the current policy framework for promoting green agricultural development in association with innovation and digital transformation, and proposes comprehensive solutions for building an ecological, modern, and sustainable agricultural sector in Vietnam.

Keywords: green agricultural development policies, innovation, digital transformation, sustainable development, Vietnam.